

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/12/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-20mm, có nơi trên 50mm như: Thái Bình (Thái Bình) 51.3mm; Văn Lý (Nam Định) 58.3mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 65%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang ở mức thấp hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 32%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo xu thế thấp hơn so với 7 ngày trước; so với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn 37%. + Trên sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng bởi điều tiết của các hồ chứa thủy điện tuyến trên và thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 40%
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-10mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tiếp tục giảm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 72%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ giảm so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 42%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước và dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy ở mức thấp hơn so với TBNN khoảng 16%. + Trên sông Hồng: Hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên và thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 25%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm như: Mẫu Sơn (Lạng Sơn) 52.6mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 523%.

+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 75%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 3-7mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy tiếp tục biến đổi chậm xu thế giảm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 459%.

+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 98%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 30-70mm, có nơi trên 100mm như: A Lưới (Thừa Thiên Huế) 139.6mm, Đông Hà (Quảng Trị) 108mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 23%, sông Cả tại trạm Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 66%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 13%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 76%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-15mm, có nơi trên 30mm; riêng Nam Quảng Trị - Huế: 20-50mm, có nơi trên 70mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 16%, sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 10%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 76%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi, lưu lượng dòng chảy thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 44%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Tổng lượng mưa: 70-130mm, có nơi trên 150mm như: Hội An (Đà Nẵng) 181mm, Lý Sơn (Quảng Ngãi) 239mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn cao hơn 33% và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 17%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông phổ biến có dao động và biến đổi chậm, riêng trên sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng và trên sông Cái Phan Rang tại trạm Tân Mỹ đã xuất hiện 01 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông ở dưới mức BĐ1, hạ lưu sông Kôn tại trạm Thanh Hòa tăng nhanh dưới BĐ2 do đóng đập phục vụ điều tiết mùa cạn. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 23% , sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 11%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 100%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 634% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 63%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-40mm, có nơi trên 70mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông khả năng có dao động, lưu lượng dòng chảy ở mức thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 29%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 14%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 80% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn so với TBNN 25%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-15mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần vừa qua, lưu lượng dòng chảy đến

các sông thuộc lưu vực Sê San và Srêpôk biến đổi theo xu thế giảm dần và đều thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 67%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 49%.
+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-20mm, có nơi trên 30mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk tiếp tục biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 70%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn ở mức tương đương TBNN.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 33% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 30% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/12/2025

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/12/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	6.6	<29	0	0.6	3.2	2.8	0	0.2	0	6.8	<8
	Sơn La	9.1	>132	0	0.6	3.3	2	0	0	0	5.9	>20
	Hòa Bình	12.5	>213	0	1.1	2.4	0	0	0	0	3.5	>154
	Lào Cai	1.4	<80	0	0	2.4	1	0	0.4	0	3.8	<55
	Yên Bái	7.6	<1	0	2.5	5.8	0	0.1	0	0	8.4	>151
	Tuyên Quang	7.8	>53	0.1	2.1	5	0.2	0.2	0.2	0	7.8	>229
	Hà Giang	2	<82	0	0	3.2	2	0.3	0.4	0.2	6.1	<10
	Láng	14.4	>212	0	1.4	0.3	0	0	0	0	1.7	<26
	Thái Bình	51.3	>775	0	2.6	0.6	0	0.1	0	0	3.3	>3
	Nam Định	45.4	>683	0	0.8	0.1	0	0	0	0	0.9	<62
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	6.5	>38	0.1	2.1	5	0.2	0.2	0.2	0	7.8	>255
	Thái Nguyên	7.2	>97	0	2.9	1.2	0	0	0	0	4.1	>12
	Bắc Ninh	37	>636	0	1.4	0.3	0	0	0	0	1.7	<75
	Lạng Sơn	26.2	>260	0.1	0.8	0	0	0	0	0	0.9	<79
	Bắc Giang	30.2	>554	0	2.9	1.2	0	0	0	0	4.1	>70
	Hải Dương	27.8	>488	0	1	0.4	0.3	0	0	0	1.7	<44
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	16.2	>360	0	0.4	1.2	0	0	0.2	0.5	2.3	>18
	Bái Thượng	24.2	>302	0	2.4	0.1	0	0	0.1	0	2.6	<16
	Thanh Hóa	53.4	>796	0	2.4	0.1	0	0	0.1	0	2.6	<1
	Quỳ Châu	35.9	>601	0	1.1	1.7	0.9	0	0.5	0.7	4.9	>109
	Cửa Rào	35.2	>1834	0	0.3	3.6	1.8	0	0.5	0.8	7	>285
	Đô Lương	32.7	>130	0	2.4	9	1.1	0	0.3	0.7	13.5	>102

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	32.4	>10	0	2.4	9	1.1	0	0.3	0.7	13.5	<35
	Hương Sơn	37.7	>253	0	5.7	1.9	1	0	0.6	0	9.2	<38
	Hương Khê	48.2	>131	0	0.7	4.9	0.8	0	0.1	0.5	7	<53
	Hà Tĩnh	91.5	>92	0.1	0.8	8.3	1.5	0.2	0.7	0.4	12	<74
	Đồng Hới	54.6	>45	0.5	1.6	5.5	2.6	0.7	1.7	0.2	12.8	<60
	Quảng Trị	108	>48	7.9	12.9	33.5	4.1	1.1	13.6	1	74.1	<21
	Nam Đông	66.5	<30	0.6	2.7	5.7	2.8	1.8	2.3	6.2	22.1	<77
	Huế	95.7	<11	0.6	1.7	12.8	5.1	1.5	4.7	4.8	31.2	<73
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	17.9	<80	3.5	15.6	19.5	26.1	2.1	3.4	7.6	77.8	<35
	Trà My	71	<47	4	3.7	9.6	4.4	1.7	4.3	6.2	33.9	<76
	Ba Tơ	46.4	<73	5.1	3.6	10.5	3.8	0.8	3.5	5.6	32.9	<74
	Quảng Ngãi	94.9	<8	5.1	3.6	20.5	3.8	0.8	3.5	5.6	42.9	<53
	Quy Nhơn	42	<37	7.6	2.5	7.6	2.8	0.3	0.6	2.1	23.5	<57
	An Khê	40.7	>6	0.5	0.5	0.6	0	0	0.1	0.3	2	<94
	Tuy Hòa	35.8	<53	6.1	2.7	11.2	1.9	1.7	1.3	2.9	27.8	<52
	Nha Trang	150.7	>158	2.9	0.8	8.4	4.4	1.3	0.5	2.1	20.4	<60
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	0	0	0.2	0	0	0	0	0.2	<86
	Lắk	5.8	<64	0	2.1	1.9	0.2	1.3	0.2	0	5.7	>16
	Buôn Mê Thuật	11.5	<1	0.1	0.1	1.3	0.5	0.1	0	0.1	2.2	<18
	Biên Hòa	14.2	>13	0	1.4	7.4	2.7	3.5	3.4	2.8	21.2	>285
	Cần Thơ	7.7	<64	0.6	0.6	3.7	4.7	2.3	4	3.4	19.3	>177

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/12/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/12	16/12	17/12	18/12	19/12	20/12	21/12	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	55	<65	10	8	7	6	6	6.0	6	49	<72
Lô	Tuyên Quang	105	<32	11	12	13	14	14	13.0	13	90	<42
Đà	Hồ Hòa Bình	577	>37	48	52	56	48	45	43.0	43	333	<16
Hồng	Hà Nội	881	>40	97	102	107	116	121	125.0	135	803	>25
Cầu	Gia Bảy	98	>523	13.91	13.56	13.39	13.39	13.56	13.6	13.91	95.3	>459
Lục Nam	Chũ	5.87	>75	1.15	0.86	0.85	0.81	0.76	0.7	0.72	5.87	>98
Mã	Cẩm Thủy	141	> 23	17.25	18.87	19.77	17.97	17.61	17.3	17.07	129	> 16
Cả	Yên Thượng	178	~ TBNN	21.4	23.41	24.52	22.29	21.85	21.4	21.18	156	< 10
La	Hòa Duyệt	72	> 13%	8.46	9.25	9.69	8.81	8.64	8.5	8.37	62	~ TBNN
Tả Trách	Thượng Nhật	27.8	> 76	3.6	3.5	3.3	3.5	3.2	3.0	2.9	23	> 44
Thu Bồn	Nông Sơn	524	> 33	73.4	72.7	72.6	71.7	71.4	70.4	69.1	501	> 29
Trà Khúc	Sơn Giang	319	> 17	45.4	44.8	43.2	42	40.6	41.5	43.2	301	> 14
Ba	Củng Sơn	221	<11	3.28	3.46	10.37	12.96	5.18	4.3	3.89	43.4	<80
Cái N,T	Đồng Trăng	108	>100	10.11	9.94	9.5	9.07	8.64	8.5	8.21	63.9	>25
ĐăkBla	KonTum	17.31	< 67	2	2.33	2.32	2.43	2.36	2.5	2.38	16.7	< 70
Srêpôk	Giang Sơn	142.8	> 49	16.85	15.64	14.69	13.82	12.61	11.8	10.71	96.2	~ TBNN
Tiên	Tân Châu			1142	1091	1056	1030	1004	978.0	952	7252	>33
Hậu	Châu Đốc			205	192	186	178	166	160.0	149	1237	>30